

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
CƠ SỞ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH MINH TUYẾT THUỘC
HỘ KINH DOANH VI THỊ TUYẾT
(Kèm theo Quyết định số 603/QĐ-SYT ngày 04/5/2026 của Sở Y tế)

TT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	Mã kỹ thuật (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Mã kỹ thuật (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
1.	15051	18.67	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng
2.	15052	18.68	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng
3.	15056	18.72	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang Blondeau
4.	15057	18.73	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang Hirtz
5.	15058	18.74	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang hàm chéch một bên
6.	15064	18.80	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp thái dương hàm
7.	15070	18.86	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng
8.	15071	18.87	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên
9.	15073	18.89	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2
10.	15074	18.90	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
11.	15075	18.91	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
12.	15076	18.92	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên
13.	15077	18.93	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
14.	15078	18.94	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn

15.	15080	18.96	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
16.	15081	18.97	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên
17.	15082	18.98	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khung chậu thẳng
18.	15083	18.99	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo
19.	15084	18.100	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp vai thẳng
20.	15085	18.101	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo
21.	15086	18.102	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng
22.	15087	18.103	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng
23.	15088	18.104	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo
24.	15089	18.105	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
25.	15090	18.106	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng
26.	15091	18.107	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
27.	15092	18.108	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo
28.	15093	18.109	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên
29.	15094	18.110	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp háng nghiêng
30.	15095	18.111	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng
31.	15096	18.112	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo
32.	15097	18.113	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bánh

				chè và khớp đùi bánh chè
33.	15098	18.114	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng
34.	15099	18.115	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
35.	15100	18.116	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
36.	15101	18.117	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng
37.	15102	18.118	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng
38.	15103	18.119	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang ngực thẳng
39.	15104	18.120	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
40.	15105	18.121	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng
41.	15106	18.122	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch
42.	15109	18.125	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
43.	15122	18.138	18. ĐIỆN QUANG	Chụp X-quang tử cung vòi trứng

Tổng: 43 danh mục.